

Số: 1033/QĐ-UBND

Cát Hải, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho các cơ quan, đơn vị đặc khu Cát Hải sau sắp xếp**

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 25/7/2025: số 45/NQ-HĐND về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2025 (sau sắp xếp); số 47/NQ-HĐND về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2025 (sau sắp xếp);

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Cát Hải về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán ngân sách đặc khu Cát Hải năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân đặc khu Cát Hải về kế hoạch đầu tư công năm 2025 (sau sắp xếp);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế đặc khu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị của đặc khu Cát Hải sau sắp xếp, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước:	733.666 triệu đồng
- Thu cân đối ngân sách:	213.148 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	504.902 triệu đồng
+ Bổ sung cân đối	218.963 triệu đồng
+ Bổ sung mục tiêu	285.939 triệu đồng
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	15.616 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách địa phương:**733.666 triệu đồng**

- Chi đầu tư phát triển: 279.918 triệu đồng
- Chi thường xuyên 445.158 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách 8.590 triệu đồng

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Các khoản chi đầu tư phát triển có quyết định phân bổ chi tiết riêng

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Đối với dự toán thu ngân sách**

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Đối với dự toán chi ngân sách

2.1. Dự toán chi đầu tư cho các dự án: Có quyết định phân bổ chi tiết riêng

2.2. Dự toán chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, chi phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ chính sách, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, chi thực hiện nhiệm vụ, chương trình, cải tạo sửa chữa...

Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức thực hiện dự toán được giao theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao; tổ chức công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu;

2.3. Kinh phí thực hiện các chương trình, nghị quyết, nhiệm vụ chung của đặc khu:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các chương trình, nhiệm vụ lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế kiểm tra theo quy định. Căn cứ khối lượng công việc dự toán, tiến độ thu và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu phương án phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan;

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu; Trưởng phòng Kinh tế đặc khu, Trưởng phòng Phòng giao dịch số 2-Kho bạc Nhà nước khu vực III; Trưởng thuế cơ sở 7; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND và các ban HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Văn phòng đảng ủy đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT.

T.M.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Viết Điện

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	
A	B	1	2	3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	733.666	733.666	
I	Thu nội địa	213.148	213.148	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)			
5	Thuế thu nhập cá nhân			
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Lệ phí trước bạ	1.215	1.215	
8	Thu phí, lệ phí	196.606	196.606	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	327	327	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
12	Thu tiền sử dụng đất			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16	Thu khác ngân sách			
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	15.000	15.000	
II	Thu viện trợ			
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	504.902	504.902	-
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	218.963	218.963	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	285.939	285.939	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp	6.021	6.021	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công	279.918	279.918	
V	Tiết kiệm chi 10% tạo nguồn CCTL	15.616	15.616	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP ĐẶC KHU THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Ghi chú
		Dự toán trước tiết kiệm chi TX	Tiết kiệm 10% chi TX	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm 10% CTX	
A	B	1			2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	15.616	718.050	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	15.616	718.050	
	Trong đó:				
I	Chi đầu tư phát triển	279.918	-	279.918	
1	Chi đầu tư cho các dự án	279.918		279.918	
	Trong đó:				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.512		64.512	
1.2	Chi khoa học và công nghệ				
1.3	Chi An ninh-Quốc phòng	14.651		14.651	
1.4	Chi y tế, dân số và gia đình				
1.5	Chi văn hóa thông tin	345		345	
1.6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
1.7	Chi thể dục thể thao				
1.8	Chi bảo vệ môi trường	14.339		14.339	
1.9	Chi các hoạt động kinh tế	182.932		182.932	
1.10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	69		69	
1.11	Chi bảo đảm xã hội				
1.12	Chi khác	3.070		3.070	
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	445.158	15.616	429.542	-
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	165.178	3.771	161.407	
2	Chi khoa học và công nghệ			-	
3	Chi An ninh-Quốc phòng	13.417	602	12.815	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	31.458	60	31.398	
5	Chi văn hóa thông tin	13.830	1.040	12.790	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.668	267	2.401	
7	Chi thể dục thể thao	1.475	148	1.327	
8	Chi bảo vệ môi trường	17.100	1.710	15.390	
9	Chi các hoạt động kinh tế	31.142	3.103	28.039	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	139.379	4.471	134.908	
11	Chi bảo đảm xã hội	27.279	221	27.058	
12	Chi khác	2.232	223	2.009	
III	Dự phòng ngân sách	8.590		8.590	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	Chi viện trợ				
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU CÁT HẢI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	213.148	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	213.148	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	504.902	
-	Thu bổ sung cân đối	218.963	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	285.939	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn sự nghiệp	6.021	
	+ Bổ sung mục tiêu nguồn đầu tư công	279.918	
III	Tiết kiệm 10% chi TX tạo nguồn CCTL	15.616	
IV	Thu kết dư		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	733.666	
I	Tổng chi cân đối ngân sách đặc khu	733.666	
1	Chi đầu tư phát triển	279.918	
2	Chi thường xuyên	445.158	
3	Dự phòng ngân sách	8.590	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP ĐẶC KHU CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Trong đó															Chi phòng ngân sách khác	Dự phòng ngân sách
			Chi giáo dục-Đào tạo và Dạy nghề	Chi khoa học và Công nghệ	Chi An ninh-Quốc phòng	Trong đó		Chi y tế, dân số và gia đình	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội				
						An ninh	Quốc phòng												
A	B	1=2+3+...+7	2	3	4	4a	4b	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
A	DỰ TOÁN TRƯỚC TIẾT KIỆM	733.666	229.690	-	28.068	8.585	19.483	31.458	14.175	2.668	1.475	31.439	214.074	139.448	27.279	5.302	8.590		
I	Chi đầu tư	279.918	64.512		14.651	651	14.000		345			14.339	182.932	69		3.070			
II	Chi thường xuyên	453.748	165.178		13.417	7.934	5.483		13.830	2.668	1.475	17.100	31.142	139.379	27.279	2.232	8.590		
B	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	15.616	3.771		602	244	358	60	1.040	267	148	1.710	3.103	4.471	221	223			
C	DỰ TOÁN SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM	718.050	225.919	-	27.466	8.341	19.125	31.398	13.135	2.401	1.327	29.729	210.971	134.977	27.058	5.079	8.590		
I	Chi đầu tư	279.918	64.512	-	14.651	651	14.000	-	345	-	-	14.339	182.932	69	-	3.070	-		
II	Chi thường xuyên	438.132	161.407	-	12.815	7.690	5.125	31.398	12.790	2.401	1.327	15.390	28.039	134.908	27.058	2.009	8.590		
I	Văn phòng Đảng ủy đặc khu	22.495	5.230	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.094	-	-	172		
	Dự toán đã chi	11.725	2.386	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.168	-	-	172		
	Dự toán còn lại	10.770	2.844	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.926	-	-	-		
2	Ủy ban MTTQ VN đặc khu	6.988	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.988	-	-	-		
	Dự toán đã chi	2.744	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.744	-	-	-		
	Dự toán còn lại	4.244	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.244	-	-	-		
3	Văn phòng HĐND và UBND đặc khu	105.507	75	-	7.746	2.851	4.895	299	6.835	68	284	2.602	5.129	70.751	8.424	513	2.780		
	Dự toán đã chi	84.795	75	-	6.057	2.851	3.206	299	6.835	68	284	2.602	5.129	51.792	8.360	513	2.780		
	Dự toán còn lại	20.711	-	-	1.689	-	1.689	-	-	-	-	-	-	18.959	64	-	-		
4	Phòng Kinh tế	37.023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.781	15.871	10.953	438	-	980		
	Dự toán đã chi	18.414	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.072	8.676	4.512	174	-	980		
	Dự toán còn lại	18.609	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.709	7.195	6.442	263	-	-		
5	Phòng Văn hóa-Xã hội	27.507	1.335	-	-	-	-	41	-	250	-	-	614	8.332	16.936	-	-		
	Dự toán đã chi	12.460	925	-	-	-	-	-	-	-	-	-	325	4.091	7.120	-	-		
	Dự toán còn lại	15.047	409	-	-	-	-	41	-	250	-	-	289	4.242	9.816	-	-		
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.200	-	-	-		
7	Trung tâm VH-thông tin và thể thao	7.517	-	-	-	-	-	-	5.117	1.434	456	-	-	509	-	-	-		
	Dự toán đã chi	4.851							3.050	1.212	380			209					

[illegible]

[illegible]

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Trong đó														
			Chi giáo dục- Đào tạo và Dạy nghề	Chi khoa học và Công ng nghệ	Chi An minh-Quốc phòng	Trong đó		Chi y tế, dân số và gia đình	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	Dự phòng ngân sách
						An ninh	Quốc phòng										
A	B	I=2+3+....+	2	3	4	4a	4b	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự toán đã chi	4.215	4.215	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán còn lại	5.002	5.002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Trường TH và THCS Hoàng Châu	5.165	5.165	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán đã chi	2.387	2.387	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán còn lại	2.779	2.779	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Trường TH và THCS Đoàn Đức Thái	13.443	13.443	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán đã chi	6.303	6.303	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán còn lại	7.140	7.140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Trường THCS thị trấn Cát Bà	13.147	13.147	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán đã chi	6.493	6.493	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự toán còn lại	6.654	6.654	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Trường THPT Cát Bà (ĐT đã chi)	19	19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Trường THPT Cát Hải (ĐT đã chi)	12	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Tiết kiệm thêm 10% chi TX theo NQ173	1.246	382	-	170	102	68	-	-	-	-	93	56	397	-	148	-



DỰ TOÁN CHI NĂM 2025 TỪ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị thực hiện: **Ban quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	TỔNG THU	261.000.000.000	
1	Phí tham quan	250.000.000.000	
a	Thu phí tham quan	68.253.000.000	
b	Phí lưu trú nghỉ đêm	181.747.000.000	
2	Thu dịch vụ	11.000.000.000	
a	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác	2.200.000.000	
b	Dịch vụ sử dụng cầu bến	8.800.000.000	
II	TỔNG CHI	261.000.000.000	
1	Chi nộp NSNN 79%	197.500.000.000	
2	Chi từ nguồn thu phí tham quan được trích để lại đơn vị (21%)	52.500.000.000	
a	Chi thường xuyên	21.054.640.000	
-	Chi thường xuyên	18.949.176.000	
-	Tiết kiệm chi 10% nguồn CCTL	2.105.464.000	
b	Chi nội dung khác	2.590.900.000	
c	Chi trích lập các quỹ	28.854.460.000	
3	Chi từ nguồn thu dịch vụ	11.000.000.000	
a	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác	2.200.000.000	
b	Dịch vụ sử dụng cầu bến	6.191.177.802	
c	Chi trích lập các quỹ	2.608.822.198	

DỰ TOÁN CHI NĂM 2025 TỪ NGUỒN THU CỦA ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	PHẦN THU	67.372.987.346	
1	Thu thực hiện GPMB	16.964.123.521	
	Kinh phí năm 2024 mang sang	6.359.123.521	
	Thu năm 2025	10.605.000.000	
2	Thu tạo lập quỹ đất	1.859.163.825	
	Thu năm 2025	1.859.163.825	
3	Thu từ nguồn quản lý dự án	18.124.000.000	
	Kinh phí năm 2024 mang sang	8.094.000.000	
	Thu năm 2025	10.030.000.000	
4	Thu từ hoạt động dịch vụ	10.642.000.000	
	Thu dịch vụ trông giữ xe	1.460.000.000	
	Dịch vụ nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải	800.000.000	
	Dịch vụ vệ sinh môi trường	8.382.000.000	
5	Thu từ kinh phí theo đơn đặt hàng	14.562.000.000	
	Sự nghiệp môi trường	7.678.000.000	
	Duy tu bảo dưỡng thường xuyên nội thị, nội huyện và công tác thị chính	6.884.000.000	
6	Thu hoạt động quản lý Chợ	4.221.700.000	
	Thu tiền thuê nốt kinh doanh	3.075.880.000	
	Thu tiền dịch vụ bảo vệ	299.300.000	
	Thu tiền dịch vụ PCCC	136.100.000	
	Thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường	610.420.000	
	Thu dịch vụ tiền cho thuê mặt bằng sân bê tông và thu khác	100.000.000	
7	Thu khác	1.000.000.000	
II	PHẦN CHI	67.372.987.346	
1	Chi GPMB và tạo lập quỹ đất	18.823.287.346	
	Chi thường xuyên	8.897.044.253	
	Trong đó:		
	Chi thường xuyên (bao gồm: lương, các khoản đóng góp, nghiệp vụ thường xuyên khác...)	8.376.945.084	
	Tiết kiệm chi 10% tạo nguồn CCTL	256.899.169	
	Dự phòng chi	263.200.000	
	Trích lập các quỹ, trong đó:	9.347.889.177	
	Trích lập các quỹ trong năm 2025	4.963.121.547	
	Trích lập các quỹ theo kết luận của Thanh tra	4.384.767.630	
	Chi chuyển nguồn sang năm sau	578.353.916	

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
2	Chi quản lý dự án	18.124.000.000	
	Chi thường xuyên (Bao gồm chi lương, các khoản đóng góp và chi nghiệp vụ thường xuyên)	6.466.906.000	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm chi 10% nguồn CCTL</i>	<i>615.000.000</i>	
	Dự phòng chi	500.000.000	
	Trích lập các quỹ: Trong đó	11.094.000.000	
	+ Trích lập các quỹ trong năm 2025	3.000.000.000	
	+ Trích lập các quỹ theo kết luận của Thanh tra	8.094.000.000	
	Chi chuyển nguồn sang năm 2025	63.094.000	
3	Chi từ hoạt động dịch vụ	10.642.000.000	
	Dịch vụ trông giữ xe	1.460.000.000	
	Dịch vụ nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải	800.000.000	
	Dịch vụ vệ sinh môi trường	8.382.000.000	
4	Chi từ kinh phí theo đơn đặt hàng	14.562.000.000	
	Sự nghiệp môi trường	7.678.000.000	
	Duy tu bảo dưỡng thường xuyên nội thị, nội huyện và công tác thị chính	6.884.000.000	
5	Chi hoạt động quản lý Chợ	4.221.700.000	
	Chi thường xuyên	3.627.691.000	
	Trong đó:		
	<i>Chi thường xuyên (Bao gồm chi lương và các khoản đóng góp...)</i>	<i>2.728.691.000</i>	
	<i>Chi mua sắm, sửa chữa tài sản</i>	<i>600.000.000</i>	
	<i>Tiết kiệm chi 10% nguồn CCTL</i>	<i>299.000.000</i>	
	Chi nộp thuế	310.000.000	
	Trích lập các quỹ năm 2025	284.009.000	
6	Chi từ các khoản thu khác (Trong đó: nộp NSNN 80%, chi phục vụ công tác thu 20%)	1.000.000.000	

DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số thu	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.134	
1	Trường Mầm non Sơn Ca	417	
2	Trường Mầm non Trân Châu	62	
3	Trường Mầm non Xuân Đám	31	
4	Trường Mầm non Phù Long	65	
5	Trường Mầm non thị trấn Cát Hải	168	
6	Trường Mầm non Văn Phong	88	
7	Trường Mầm non Sao Mai	119	
8	Trường Mầm non Hoàng Châu	56	
9	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	7	
10	Trường TH&THCS Gia Luận	33	
11	Trường TH&THCS Hiền Hào	16	
12	Trường TH&THCS Xuân Đám	25	
13	Trường TH&THCS Phù Long	71	
14	Trường TH&THCS Hà Sen	62	
15	Trường TH&THCS Văn Phong	71	
16	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ	99	
17	Trường TH&THCS Hoàng Châu	64	
18	Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái	193	
19	Trường THCS TT Cát Bà	487	

